TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan.

Ông Lâm Văn Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh T, sinh ngày 08/02/2003 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số ….., cấp ngày 01/04/2022, tại Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh Lý V, sinh ngày 02/09/2002 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực V, phường M, thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số …., cấp ngày 18/12/2021, tại Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/4/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đinh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đinh T và anh Lý V đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân Phường C, thị xã N, tỉnh S (nay là Ủy ban Nhân dân Phường M, thành phố C) vào ngày 15/02/2024. Khi chung sống với nhau thời gian đầu thì vợ chồng chị chung sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó dần dần cuộc sống vợ chồng chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay mâu thuẫn ngày càng gay gắt,

chị và anh V đã ly thân với nhau từ tháng 3/2025 cho đến nay và chị xác định không còn tình cảm gì với anh V, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị Đinh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lý V. Chị T xin xét xử vắng mặt

Về con chung: Chị T và anh V có một con chung với nhau tên Lý KV, sinh ngày 14/10/2024, hiện nay cháu KV đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/8/2025 chị T xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Bị đơn anh Lý V đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lý V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh T và anh Lý V là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 15/02/2024 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã N, tỉnh S (Nay là Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh V và chị T, theo chị T cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, anh V và chị T không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với nhau, anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 3/2025 đến nay không thể hàn gắn. Do đó chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh V. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhằm mục đích hàn gắn nhưng không đến tham gia phiên hòa giải, phiên tòa, bỏ mặc đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh V và chị T đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, anh V và chị T đã ly thân với nhau từ tháng 3/2025 đến nay không còn liên lạc với nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa anh V và chị T là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Chị Đinh T và anh Lý V có một con chung là cháu Lý V, sinh ngày 14/10/2024, theo chị T trình bày cháu KV hiện nay đang sống với chị T và anh V không có ý kiến gì phản đối yêu cầu nuôi con của chị T. Cháu KV hiện nay đã hơn đủ 10 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với mẹ (chị T) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".* Cháu KV đang được mẹ ruột nuôi dưỡng và chưa tròn 12 tháng tuổi. Nên chị T yêu cầu nuôi cháu KV đến trưởng thành (tròn 18 tuổi) là phù hợp quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho anh V không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy việc rút lại yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Đinh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001668 ngày 04/8/2025 của cơ quan hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Anh Lý V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh T được ly hôn với anh Lý V.

2/ Về con chung: Giao cháu Lý KV, sinh ngày 14/10/2024 cho chị Đinh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lý V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001668 ngày 04/8/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Anh Lý V không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND Phường M, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng